

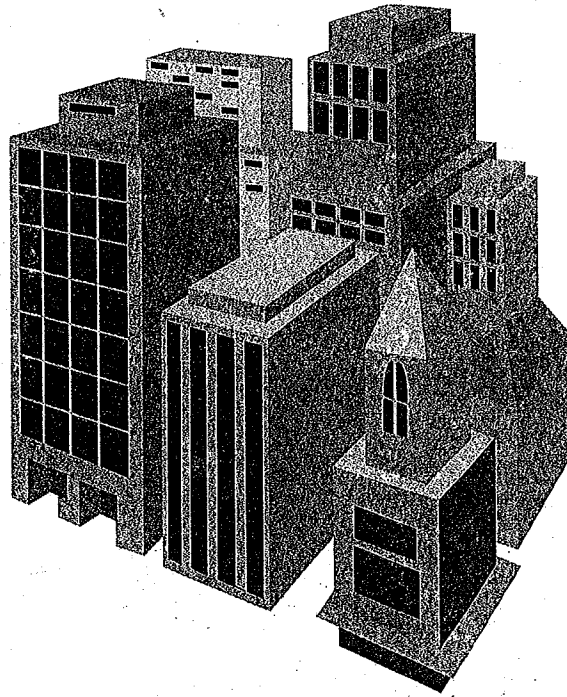


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH
☎ : 550 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Quận Bình Tân Tp.HCM
☎ : 38753021 Fax: 38753552

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ 1/2016

Kết thúc tại ngày: 31/03/2016



TP. Hồ Chí Minh
Tháng 4/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
QUÝ 1 NĂM 2016
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Nội dung 1	Mã số 2	Thuyết minh	Số cuối quý 3	Số đầu năm 4
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		2.373.762.484.694	2.484.666.244.932
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50.768.216.720	153.028.246.452
1. Tiền	111		27.411.752.847	7.597.351.152
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.356.463.873	145.430.895.300
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	43.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	43.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.160.046.585	88.883.533.751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		81.876.558.131	80.945.171.717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.889.703.242	4.714.174.910
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		5.793.154.798	6.972.341.272
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.399.369.586)	(3.748.154.148)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		2.209.596.430.764	2.196.114.273.102
1. Hàng tồn kho	141		2.209.596.430.764	2.196.114.273.102
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.237.790.625	3.140.191.627
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.237.790.625	3.140.191.627
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		880.000.682.904	836.345.006.718
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		109.822.961.803	109.188.605.876
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		87.236.891.506	87.740.748.285
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		8.111.783.885	7.776.783.885
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		22.260.286.412	21.457.073.706
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(7.786.000.000)	(7.786.000.000)
II. Tài sản cố định	220		23.239.385.168	24.062.454.971

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2		3	4
1. Tài sản cố định hữu hình	221		23.145.488.336	23.956.696.058
- Nguyên giá	222		75.425.589.625	75.425.589.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.280.101.289)	(51.468.893.567)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		93.896.832	105.758.913
- Nguyên giá	228		1.702.748.781	1.702.748.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.608.851.949)	(1.596.989.868)
III. Bất động sản đầu tư	230		84.024.533.015	84.913.864.301
- Nguyên giá	231		129.921.865.375	131.865.213.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(45.897.332.360)	(46.951.349.315)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		278.395.979.432	234.929.446.801
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		278.395.979.432	234.929.446.801
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		382.600.052.201	382.853.837.216
1. Đầu tư vào công ty con	251		297.000.000.000	297.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		95.657.440.060	95.657.440.060
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.135.455.455	3.135.455.455
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.192.843.314)	(12.939.058.299)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.917.771.285	396.797.553
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.673.122.187	396.797.553
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		244.649.098	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.253.763.167.598	3.321.011.251.650
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.368.845.592.900	1.416.066.812.033
I. Nợ ngắn hạn	310		364.985.902.422	416.696.266.368
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		8.838.164.320	19.519.191.646
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		135.225.804.859	124.227.686.529
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		18.349.154.256	36.015.485.942
4. Phải trả người lao động	314		1.668.798.440	6.379.605.887
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		18.506.555.074	20.982.219.376
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.429.324.339	2.380.530.356
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		20.805.188.939	101.479.650.038
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		157.989.822.728	101.226.731.058
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.173.089.467	4.485.165.536
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		1.003.859.690.478	999.370.545.665
1. Phải trả người bán dài hạn	331		50.657.500.835	50.657.500.835

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2		3	4
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		88.668.326.974	82.010.966.094
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		106.146.113.401	106.699.017.156
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		216.097.969.572	208.197.967.911
7. Phải trả dài hạn khác	337		209.235.309.728	194.415.188.058
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		331.743.479.025	356.133.554.567
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	77.715.711
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.310.990.943	1.178.635.333
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1.884.917.574.698	1.904.944.439.617
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.884.917.574.698	1.904.944.439.617
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		867.201.440.000	867.201.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	41A		867.201.440.000	867.201.440.000
- Cổ phiếu ưu đãi	41B			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		610.750.058.000	610.750.058.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		250.735.326.206	250.735.326.206
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	420		12.332.000.000	12.332.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		143.898.750.492	163.925.615.411
- Lũy kế đến cuối kỳ trước	42A		141.410.291.480	-
- Kỳ này	42B		2.488.459.012	163.925.615.411
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.253.763.167.598	3.321.011.251.650

Người lập biểu




Đặng Thị Thùy Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Dương An

Tp.HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2016
 Tổng giám đốc



Nguyễn Thụy Nhân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 1 NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý 1/16	Quý 1/15	Năm 2016	Năm 2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	42.898.349.039	22.098.938.088	42.898.349.039	22.098.938.088
2.	Các khoản giảm trừ	02	48.142.863	-	48.142.863	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	42.850.206.176	22.098.938.088	42.850.206.176	22.098.938.088
4.	Giá vốn hàng bán	11	20.621.821.648	9.093.714.066	20.621.821.648	9.093.714.066
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	22.228.384.528	13.005.224.022	22.228.384.528	13.005.224.022
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	353.655.809	23.795.595.750	353.655.809	23.795.595.750
7.	Chi phí tài chính	22	4.067.030.971	3.062.769.325	4.067.030.971	3.062.769.325
	Trong đó: chi phí lãi vay	23	3.656.900.316	3.084.590.329	3.656.900.316	3.084.590.329
8.	Chi phí bán hàng	25	161.476.959	343.248.516	161.476.959	343.248.516
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.691.841.600	9.600.307.054	10.691.841.600	9.600.307.054
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	7.661.690.807	23.794.494.877	7.661.690.807	23.794.494.877
11.	Thu nhập khác	31	1.499.047.807	144.734.239	1.499.047.807	144.734.239
12.	Chi phí khác	32	4.839.196.943	-	4.839.196.943	-
13.	Lợi nhuận khác	40	(3.340.149.136)	144.734.239	(3.340.149.136)	144.734.239
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.321.541.671	23.939.229.116	4.321.541.671	23.939.229.116
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.155.447.468	-	2.155.447.468	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(322.364.809)	15.362.491	(322.364.809)	15.362.491
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.488.459.012	23.923.866.625	2.488.459.012	23.923.866.625
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

Người lập

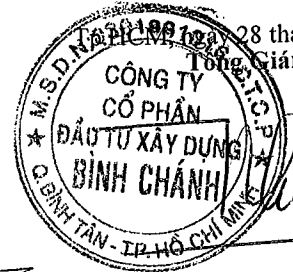


Đặng Thị Thùy Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Dương An



28 tháng 04 năm 2016
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thụy Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp) (*)

QUÝ 1 NĂM 2016


CHỈ TIÊU	Mã số	QUÝ	
		Quý 1/16	Quý 1/15
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.321.541.671	23.939.229.116
2. Điều chỉnh cho các khoản		2.514.360.858	(18.973.292.932)
- Khấu hao TSCĐ	02	(230.947.152)	1.759.533.493
- Các khoản dự phòng	03	(94.999.547)	(38.533.885)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	346.710.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(353.655.809)	(23.795.595.750)
- Chi phí lãi vay	06	3.193.963.366	2.754.593.210
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.835.902.529	4.965.936.184
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(63.479.604.399)	4.044.931.631
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.538.809.421)	(12.392.962.339)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	108.012.248.389	4.952.865.214
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.276.324.634)	(264.936.551)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.488.715.082)	(1.341.474.808)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(15.103.114.628)	(131.613.588)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	40.500.000	15.741.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(27.561.708.339)	(2.554.379.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.559.625.585)	(2.705.892.348)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(43.466.532.631)	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(20.800.000.000)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	265.910.356	23.627.698.369
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.200.622.275)	2.827.698.369
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	35.856.673.411	115.026.937.227
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.483.657.283)	(90.610.620.551)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(85.872.798.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(53.499.781.872)	24.416.316.676
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(102.260.029.732)	24.538.122.697
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	153.028.246.452	82.201.886.893
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	50.768.216.720	106.740.009.590

Người lập



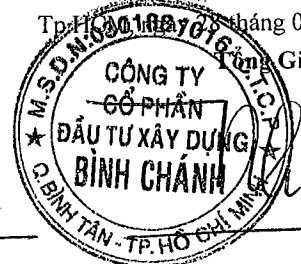
Đặng Thị Thùy Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Dương An

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2016



Giám đốc

Nguyễn Thụy Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

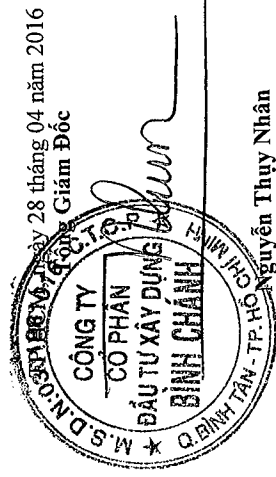
Phụ lục I: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	722.670.000.000	610.750.058.000	231.349.402.028	-	12.332.000.000	66.390.115.032	1.643.491.575.060
Tăng vốn trong năm	144.531.440.000	-	-	-	-	300.065.914.908	144.531.440.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(19.385.924.178)	300.065.914.908
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	19.385.924.178	-	-	(158.984.584.000)	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(158.984.584.000)
Chia lãi hợp tác đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(24.159.906.351)	(24.159.906.351)
Số dư cuối năm trước	867.201.440.000	610.750.058.000	250.735.326.206	-	12.332.000.000	163.925.615.411	1.904.944.439.617
Số dư tại ngày 01/01/16	867.201.440.000	610.750.058.000	250.735.326.206	-	12.332.000.000	163.925.615.411	1.904.944.439.617
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	2.488.459.012,0	2.488.459.012
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Chia lãi hợp tác đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	867.201.440.000	610.750.058.000	250.735.326.206	-	12.332.000.000	(22.515.323.931,0)	1.884.917.574.698

Người lập


Đặng Thị Thùy Trang

Kế toán trưởng


Nguyễn Dương An

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, địa ốc
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng cơ bản; kinh doanh nhà ở, đất ở; kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, tư vấn xây dựng, san lấp mặt bằng.
4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:** Do đặc thù của Công ty kinh doanh bất động sản nên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không cố định
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
6. **Cấu trúc doanh nghiệp**
 - Danh sách công ty con:
 - + Công ty Cổ phần BCI
 - + Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI
 - Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:
 - + Công ty CP Đầu tư và BĐS Sài Gòn Châu Á
 - + Công ty TNHH Cao Ốc Xanh
 - + Công ty TNHH TM & DV Siêu thị Big C An Lạc
 - + Công ty TNHH EB Thành phố Mới
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:** có thể so sánh.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm 2016 là năm tài chính thứ 17 của Công ty.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng: theo thời gian còn lại của dự án kể từ khi khai thác.

Nhà xưởng: từ 10 – 20 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4-5 năm.

Chứng nhận ISO

Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 Bộ luật lao động.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế, đối với hoạt động chuyên quyền sử dụng đất công ty phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất, nhà ghi nhận khi công ty có biên bản bàn giao nền và nhà.

Doanh thu cho thuê đất tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân:

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn I và bán xưởng: Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn II và khu tiểu thủ công nghiệp: Công ty ghi nhận là doanh thu nhận trước khi thu tiền trả trước và phát hành hoá đơn, sau đó phân bổ vào doanh thu trong kỳ theo thời gian còn lại của dự án kể từ năm cho thuê.

Doanh thu khác: Ghi nhận khi hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	256.481.827	37.953.442
Tiền gửi ngân hàng	27.155.271.020	7.559.397.710
Các khoản tương đương tiền (*)	23.356.463.873	145.430.895.300
Cộng	50.768.216.720	153.028.246.452

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng tiền lãi với lãi suất trong từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.

(*) Các khoản tương đương tiền trị giá 2.881.000.000đ được dùng làm tài sản thế chấp cho Thư bảo lãnh từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh****b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn			43.500.000.000	43.500.000.000
Cộng			43.500.000.000	43.500.000.000

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần BCI	286.000.000.000	(11.856.988.869)	274.143.011.131	286.000.000.000	(11.859.166.844)	274.236.016.470
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	11.000.000.000		11.000.000.000	11.000.000.000		11.000.000.000
Cộng	297.000.000.000	(11.856.988.869)	285.143.011.131	297.000.000.000	(11.859.166.844)	285.236.016.470

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần đầu tư BĐS Sài Gòn Châu Á	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000
Công ty TNHH Cao ốc Xanh	20.060.312.372		20.060.312.372	20.060.312.372		20.060.312.372
Công ty TNHH TM& DV Siêu thị Big C An Lạc	57.197.127.688		57.197.127.688	57.197.127.688		57.197.127.688
Công ty TNHH EB Thành Phố Mới	14.400.000.000		14.400.000.000	14.400.000.000		14.400.000.000
Cộng	95.657.440.060	-	95.657.440.060	95.657.440.060	-	95.657.440.060

Đầu tư vào đơn vị khác	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Phát Triển nhà Thủ Đức	1.312.145.455	(1.096.721.455)	215.424.000	1.312.145.455	(1.079.891.455)	232.254.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	123.310.000		123.310.000	123.310.000		123.310.000
Đầu tư dài hạn khác	1.700.000.000	(239.132.990)	1.460.867.010	1.700.000.000		1.700.000.000
Cộng	3.135.455.455	(1.335.854.445)	1.799.601.010	3.135.455.455	(1.079.891.455)	2.055.564.000

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ngắn hạn	81.876.558.131	80.945.171.717
Phải thu từ khách hàng	81.872.639.551	80.898.146.717
Phải thu từ các bên liên quan (*)	3.918.580	47.025.000
Dài hạn	87.236.891.506	87.740.748.285
Phải thu từ khách hàng	87.236.891.506	87.740.748.285
TỔNG CỘNG	169.113.449.637	168.685.920.002
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.399.369.586)	(3.748.154.148)
GIÁ TRỊ THUẬN	165.714.080.051	164.937.765.854

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Bên liên quan

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH ĐTPB BCCI (ngắn hạn)	3.918.580	47.025.000
Cộng	3.918.580	47.025.000

4. Trả trước người bán**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trả trước cho người bán (BCCI)	23.170.816.042	2.166.287.710
Trả trước cho người bán (LMX)	2.718.887.200	2.547.887.200
Cộng	25.889.703.242	4.714.174.910

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trả trước cho người bán (BCCI)	8.111.783.885	7.776.783.885
Cộng	8.111.783.885	7.776.783.885

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.793.154.798	6.972.341.272
Tạm ứng cho người lao động	4.203.129.141	4.157.183.439
Lãi tiền gửi phải thu	87.745.453	1.531.888.570
Khác	1.502.280.204	1.283.269.263
Dài hạn	22.260.286.412	21.457.073.706
Tạm ứng để thực hiện các dự án	11.634.813.505	11.634.813.505
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (*)	9.367.999.568	9.326.254.362
Khác	1.257.473.339	496.005.839
TỔNG CỘNG	28.053.441.210	28.429.414.978
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(7.786.000.000)	(7.786.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	20.267.441.210	20.643.414.978

(*) Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"). Công ty kê khai tạm nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu được tiền trong trường hợp chưa xác định được doanh thu và chi phí tương ứng.

6. Tài sản thiếu chờ xử lý**7. Nợ xấu**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng	2.197.360.424.275		2.183.915.261.166	
Chi phí xây dựng công trình dở dang	251.635.268		251.635.268	
Hàng hóa bất động sản	11.660.744.979		11.660.744.979	
Nguyên nhiên liệu	323.626.242		286.631.689	
Cộng	2.209.596.430.764		2.196.114.273.102	

9. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
KCN LMX mở rộng	230.464.491.658	230.464.491.658	219.018.891.658	219.018.891.658
Khu tiêu thụ công nghiệp	39.324.995.713	39.324.995.713	7.249.313.254	7.249.313.254
Xây dựng cơ bản Công trình khác	8.606.492.061	8.606.492.061	8.661.241.889	8.661.241.889
Cộng	278.395.979.432	278.395.979.432	234.929.446.801	234.929.446.801

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng tài sản hữu hình
Chỉ tiêu					
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu kỳ	38.354.486.674	10.520.713.433	2.121.067.279	24.429.322.239	75.425.589.625
2. Số tăng trong kỳ					
3. Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán, khác					
4. Số cuối kỳ	38.354.486.674	10.520.713.433	2.121.067.279	24.429.322.239	75.425.589.625
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu kỳ	30.197.178.263	9.584.295.189	2.121.067.279	9.566.352.836	51.468.893.567
2. Số tăng trong kỳ	491.884.344	91.503.444		227.819.934	811.207.722
3. Số giảm trong kỳ					
4. Số cuối kỳ	30.689.062.607	9.675.798.633	2.121.067.279	9.794.172.770	52.280.101.289
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu kỳ	8.157.308.411	936.418.244	-	14.862.969.403	23.956.696.058
2. Số cuối kỳ	7.665.424.067	844.914.800	-	14.635.149.469	23.145.488.336

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Bản quyền ISO	Phần mềm vi tính	Cộng tài sản vô hình
Chỉ tiêu			
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu kỳ	331.744.151	1.371.004.630	1.702.748.781
2. Số tăng trong kỳ			
<i>Trong đó:- Mua sắm mới</i>			
3. Số giảm trong kỳ			
4. Số cuối kỳ	331.744.151	1.371.004.630	1.702.748.781
II. Giá trị hao mòn			
1. Số dư đầu kỳ	331.744.151	1.265.245.717	1.596.989.868
2. Số tăng trong kỳ		11.862.081	11.862.081
3. Số giảm trong kỳ			
4. Số cuối kỳ	331.744.151	1.277.107.798	1.608.851.94
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu kỳ	-	105.758.913	105.758.913
2. Số cuối kỳ	-	93.896.832	93.896.832

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Nhóm BDS	Nhà xưởng	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
Chỉ tiêu			
I. Nguyên giá			
Số đầu năm	0	131.865.213.616	131.865.213.616
Số tăng trong kỳ (lũy kế)	0		
Số giảm trong kỳ	0	1.943.348.241	1.943.348.241
Số cuối kỳ	0	129.921.865.375	129.921.865.375
II. Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		49.842.771.119	46.951.349.315
Số tăng trong kỳ (lũy kế)		889.331.286	889.331.286
Số giảm trong kỳ		1.943.348.241	1.943.348.241
Số cuối kỳ	0	45.897.332.360	45.897.332.360
III. Giá trị còn lại			
Số đầu năm	0	84.913.864.301	84.913.864.301
Số cuối kỳ	0	84.024.533.015	84.024.533.015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Tài sản khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	3.237.790.625	3.140.191.627
Cộng	3.237.790.625	3.140.191.627

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	1.673.122.187	396.797.553
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	244.649.098	-
Cộng	1.917.771.285	396.797.553

15. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VP Bank - CN TP.HCM, 9/2015/HĐHM/C MB-HCM ngày 01/04/2015	27.494.378.392	27.494.378.392	18.164.799.953	1.525.950.283	10.855.528.722	10.855.528.722
Cộng	27.494.378.392	27.494.378.392	18.164.799.953	1.525.950.283	10.855.528.722	10.855.528.722

❖ Vay ngắn hạn (Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng):

<i>Vay ngắn hạn (Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng)</i>	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty ĐITC Nhà nước TPHCM, HĐ 17, 27/5/2010	1.720.000.000	1.720.000.000	-	-	1.720.000.000	1.720.000.000
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100187 - 21/01/2015)	2.666.666.668	2.666.666.668	-	-	2.666.666.668	2.666.666.668
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100188 - 21/01/2015)	3.066.666.668	3.066.666.668	-	-	3.066.666.668	3.066.666.668
Vay Sacombank - PGD Bình Tân (LD1424800048-05/09/2014)	22.573.716.000	22.573.716.000	11.378.437.000	-	11.195.279.000	11.195.279.000
Vay NH Phương Đông HĐ 06-1/7/2015 (An Lạc Plaza+11A+ KDC Tân Tạo)	100.468.395.000	100.468.395.000	28.840.180.000	94.375.000	71.722.590.000	71.722.590.000
Cộng	130.495.444.336	130.495.444.336	40.218.617.000	94.375.000	90.371.202.336	90.371.202.336

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Vay dài hạn

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty ĐTTC Nhà nước TP. Hồ Chí Minh HĐ17-27/5/2010	461.915.000	461.915.000	-	430.000.000	891.915.000	891.915.000
Vay NH Phương Đông HĐ 06-1/7/2015 (An Lạc Plaza+11A+ KDC Tân Tạo)	200.313.923.993	200.313.923.993	17.434.245.458	28.840.180.000	211.719.858.535	211.719.858.535
Vay Sacombank - PGD Bình Tân (LD1424800048-05/09/2014)	56.434.301.368	56.434.301.368	257.628.000	11.378.437.000	67.555.110.368	67.555.110.368
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100187 - 21/01/2015)	34.666.669.332	34.666.669.332	-	666.666.000	35.333.335.332	35.333.335.332
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100188 -	39.866.669.332	39.866.669.332	-	766.666.000	40.633.335.332	40.633.335.332
Cộng	331.743.479.025	331.743.479.025	17.691.873.458	42.081.949.000	356.133.554.567	356.133.554.567

c. Các khoản nợ thuê tài chính**d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán****e. Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan**

Bên cho vay	Dư nợ vay (VNĐ)	Thời hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng số 9/2015/HĐHM/CMB-HCM ngày 01/04/2015	27.494.378.392	< 8 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất bán vốn theo quy định của VPBank + biên độ 1,3%/năm	Tín chấp
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng số 17A/2010/HĐTD-ĐTTC- TD ngày 27/5/2010	2.181.915.000	84 tháng	Đầu tư dự án xử lý nước thải tập trung KCN Lê Minh Xuân (giai đoạn 3)	8,125%/năm	Bảo lãnh ngân hàng
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Quận 4					
Hợp đồng số 06/2015/HĐTD-DN ngày 01/07/2015	300.782.318.993	48 tháng	Đầu tư dự án An Lạc Plaza, khu dân cư 11A (Corona City), khu trung tâm dân cư Tân Tạo	Lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 2,9%/ năm	- Quyền sử dụng đất tại số 158 đường An Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. - Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất của dự án Cao ốc An Lạc Plaza

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- PGD Bình Tân					
Hợp đồng số LD1424800048 ngày 05/09/2014	79.008.017.368	60 tháng	Đầu tư dự án Khu định cư Phong Phú 4	Lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3,2%/ năm	Một phần diện tích đất của dự án khu định cư Phong Phú
Hợp đồng số LD1502100187 ngày 21/01/2015	37.333.336.000	180 tháng	Trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc	6%/năm trên dư nợ ban đầu	Quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ vốn góp của BCCI tại Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị Big C An Lạc và quyền tài sản phát sinh từ 172.031,8m ² đất tại khu dân cư 1 -Khu 11A
Hợp đồng số LD1502100188 ngày 21/01/2015	42.933.336.000	180 tháng	Trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc	6%/năm trên dư nợ ban đầu	
Tổng cộng	489.733.301.753				

16. Phải trả người bán**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM XD Việt Long	1.705.726.571	1.705.726.571	1.705.726.571	1.705.726.571
XN Xây dựng công trình cảng	447.763.019	447.763.019	447.763.019	447.763.019
Phải trả người bán tại KCN Lê Minh Xuân	867.321.118	867.321.118	1.176.608.116	1.176.608.116
Phải trả các đối tượng khác	5.726.201.146	5.726.201.146	8.521.569.041	8.521.569.041
Phải trả các Bên liên quan (*)	91.152.466	91.152.466	7.667.524.899	7.667.524.899
Cộng	8.838.164.320	8.838.164.320	19.519.191.646	19.519.191.646

b. Dài hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Tổng công ty XD số 1 - CCI	50.316.068.735	50.316.068.735	50.316.068.735	50.316.068.735
Phải trả các đối tượng khác	341.432.100	341.432.100	341.432.100	341.432.100
Phải trả các Bên liên quan (*)	-	-	-	-
Cộng	50.657.500.835	50.657.500.835	50.657.500.835	50.657.500.835

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH ĐPT BCCI (HO)	-	-	116.352.196	116.352.196
Công ty TNHH ĐPT BCCI (LMX)	91.152.466	91.152.466	7.551.172.703	7.551.172.703
Cộng	91.152.466	91.152.466	7.667.524.899	7.667.524.899

17. Người mua trả tiền trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng trả tiền trước	135.225.804.859	124.002.506.145
Bên liên quan trả tiền trước	-	225.180.384
Cộng	135.225.804.859	124.227.686.529

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng trả tiền trước	88.668.326.974	82.010.966.094
Cộng	88.668.326.974	82.010.966.094

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Lũy kế số phải nộp trong kỳ	Lũy kế số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế	33.788.046.042	13.444.967.899	30.976.489.999	16.256.523.942
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.579.695.810	4.352.426.653	4.731.797.186	2.200.325.277
- Thuế GTGT VP Cty	(1.326.429.329)	1.742.079.045	-	415.649.716
- Thuế GTGT khu LMX	3.906.125.139	2.610.347.608	4.731.797.186	1.784.675.561
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.405.968.802	2.332.002.260	15.103.114.628	9.634.856.434
Bất động sản (20%)+ HĐ khác	24.633.408.702	2.155.447.468	15.000.000.000	13.919.346.496
Tiền độ 1%	(2.227.439.900)	237.924.214	103.114.628	(2.092.630.314)
Thuế thu nhập cá nhân	8.737.348.003	6.579.783.872	10.957.369.647	4.359.762.228
Tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế tài nguyên (Công ty)	36.346.062	107.039.189	111.615.903	31.769.348
Thuế tài nguyên (KCN LMX)	28.687.365	70.715.925	69.592.635	29.810.655
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	33.788.046.042	13.445.967.899	30.977.489.999	16.256.523.942

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	4.040.062.523	3.621.903.734
Chi phí phải trả khác	7.798.269.778	7.558.059.778
Chi phí phải trả tại KCN LMX	6.668.222.773	9.802.255.864
Cộng	18.506.555.074	20.982.219.376

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí phải trả các dự án đầu tư	106.146.113.401	106.699.017.156
Cộng	106.146.113.401	106.699.017.156

20. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả khác	12.195.139.104	7.698.394.559
Cổ tức phải trả cho các Cổ đông	1.137.177.900	87.857.616.900
Phải trả khác - KCN Lê Minh Xuân	7.472.871.935	5.923.638.579
Cộng	20.805.188.939	101.479.650.038

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí còn phải trả các dự án đầu tư	132.120.390.625	116.800.268.955
Cộng	132.120.390.625	116.800.268.955

c. Bên liên quan

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty Cổ phần BCI	77.114.919.103	77.614.919.103
Cộng	77.114.919.103	77.614.919.103

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Doanh thu chưa thực hiện**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khoản thu trước tiên cho thuê đất - KCN Lê Minh Xuân	2.429.324.339	2.380.530.356
Cộng	2.429.324.339	2.380.530.356

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khoản thu trước tiên cho thuê đất - KCN Lê Minh Xuân	216.097.969.572	208.197.967.911
Cộng	216.097.969.572	208.197.967.911

22. Trái phiếu phát hành**23. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả****24. Dự phòng phải trả****25. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	262.198.189	259.299.773
Lãi tiền gửi dự thu	(17.549.091)	(337.015.485)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	244.649.098	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	77.715.712

26. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	867.201.440.000	867.201.440.000
Cộng	867.201.440.000	867.201.440.000

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86.720.144	86.720.144
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.720.144	86.720.144
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.720.144	86.720.144
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

27. **Chênh lệch đánh giá lại tài sản**
28. **Chênh lệch tỷ giá**
29. **Nguồn kinh phí**
30. **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối**
Nợ khó đòi đã xử lý: 2.469.845.243 đồng
31. **Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	11.096.150.856	4.000.303.925	281.087.585.784	156.752.195.418
Hoạt động môi giới bất động sản	-	-	-	37.000.000
Hoạt động dịch vụ sàn giao dịch	196.289.618	439.501	4.757.605	20.691.000
Cho thuê mặt bằng	936.373.742	860.288.930	4.098.644.216	4.014.377.234
Cung cấp dịch vụ điện, nước...cho dự án	4.304.667.030	4.076.512.266	18.414.528.301	15.929.774.902
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	18.923.620.738	2.781.461.872	73.842.849.393	11.702.453.997
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN LMX	7.441.247.055	10.379.931.594	71.841.975.815	47.792.074.547
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(48.142.863)	-	-	(46.156.110)
Cộng	42.850.206.176	22.098.938.088	449.290.341.114	236.202.410.988

2. Giá vốn hàng bán

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	6.900.122.070	1.385.626.073	6.900.122.070	1.385.626.073
Chi phí BQBĐS, vệ sinh môi trường...	-	-	-	-
Cung cấp dịch vụ điện, nước...cho dự án	1.239.101.600	1.661.159.916	1.239.101.600	1.661.159.916
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	6.386.746.313	680.088.127	6.386.746.313	680.088.127
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN LMX	6.095.851.665	5.366.839.950	6.095.851.665	5.366.839.950
Cộng	20.621.821.648	9.093.714.066	20.621.821.648	9.093.714.066

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	352.496.424	995.595.750	352.496.424	995.595.750
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	22.800.000.000	-	22.800.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính - KCN LMX	1.159.385	2.159.034	1.159.385	2.159.034
Cộng	353.655.809	23.795.595.750	353.655.809	23.795.595.750

4. Chi phí tài chính

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	3.656.900.316	3.084.590.329	3.656.900.316	3.084.590.329
Chi phí tài chính khác	156.345.640	16.712.881	156.345.640	16.712.881
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-
Hoàn nhập/ dự phòng đầu tư chứng khoán	16.830.000	19.890.000	16.830.000	19.890.000
Dự phòng ĐTDH - Công ty BCI	(2.177.975)	(58.423.885)	(2.177.975)	(58.423.885)
Dự phòng ĐT - Cty CP Cấp nước Dầu Tiếng	239.132.990	-	239.132.990	-
Cộng	4.067.030.971	3.062.769.325	4.067.030.971	3.062.769.325

5. Thu nhập khác

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	287.282.994	127.365.709	287.282.994	127.365.709
Thu khác + KCN LMX	1.211.764.813	17.368.530	1.211.764.813	17.368.530
Cộng	1.499.047.807	144.734.239	1.499.047.807	144.734.239

6. Chi phí khác

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Chi phí khác + KCN LMX	4.839.196.943	-	4.839.196.943	-
Cộng	4.839.196.943		4.839.196.943	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Chi phí bán hàng**

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.476.959	343.248.516	161.476.959	343.248.516
Chi phí bán hàng - KCN LMX	-	-	-	-
Cộng	161.476.959	343.248.516	161.476.959	343.248.516

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	QUÝ 1/16	QUÝ 1/15	Lũy kế đến Q1/16	Lũy kế đến Q1/15
Chi phí lương nhân viên quản lý	5.323.820.923	7.049.855.579	5.323.820.923	7.049.855.579
Chi phí vật dụng văn phòng	26.492.424	9.135.707	26.492.424	9.135.707
Khấu hao tài sản cố định	179.174.865	377.185.433	179.174.865	377.185.433
Thuế, phí và lệ phí	249.681.453	417.899.325	249.681.453	417.899.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	971.745.228	322.798.881	971.745.228	322.798.881
Chi phí bằng tiền khác	3.680.756.430	1.042.161.904	3.680.756.430	1.042.161.904
Chi phí QLDN KCN LMX	260.170.277	381.270.225	260.170.277	381.270.225
Cộng	10.691.841.600	9.600.307.054	10.691.841.600	9.600.307.054

8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho công ty là 20%.

	Lũy kế đến Q1/2016	Lũy kế đến Q1/2015
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.155.447.468	-
Cộng	2.155.447.468	-

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế đến Q1/2016	Lũy kế đến Q1/2015
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ Lãi dự thu	(319.466.394)	11.591.164
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ Chi phí trợ cấp thất nghiệp phải trả	(2.898.416)	3.771.327
Cộng	(322.364.809)	15.362.491

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng
- Số tiền đi vay thực thu lũy kế đến quý 1/2016
Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 35.856.673.411 đồng
- Số tiền thực trả gốc vay lũy kế đến quý 1/2016
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 3.483.657.283 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch Q1/16 (đồng)
Công ty cổ phần BCI	Công ty con	Thu hộ	500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	Công ty con	Thanh toán chi phí cung cấp dịch vụ	7.883.988.433
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	Công ty con	Phải trả chi phí cung cấp dịch vụ	307.616.000
Công ty TNHH TM và DV Siêu thị Big C An Lạc	Công ty liên kết		Không phát sinh
Công ty cổ phần Đầu tư và Bất động sản Sài Gòn Châu Á	Công ty liên kết		Không phát sinh
Công ty TNHH Cao Ốc Xanh	Công ty liên kết		Không phát sinh
Công ty TNHH EB Thành phố Mới	Công ty liên kết		Không phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IX. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ QUÝ I NĂM 2016

Lợi nhuận sau thuế quý 1/2016 giảm 90% (21,4 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2015. Mức giảm này chủ yếu do quý 1/2015 Công ty nhận 22,8 tỷ đồng tiền cổ tức từ hoạt động liên doanh với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Siêu thị Big C An Lạc (Công ty không phát sinh hoạt động này trong quý 1/2016).

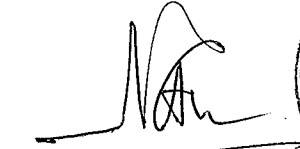
TP. HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2016

Người lập



Đặng Thị Thùy Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Dương An

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thùy Nhân